

Nguồn gốc



- Tại nước Việt ta hay Trung Quốc từ xưa đã có họ Nguyễn, nhưng xưa nhất là ở Trung Hoa.

- Đời Nhà Thương (1766 - 1123 trước Tây Lịch) có một tiểu quốc gọi là Nguyễn, sinh sống tại vùng Kinh Châu thục huyện Kinh Xuyên tỉnh Cam Túc hiện nay.

Đến đời nhà Chu, tiểu quốc Nguyễn bị Chu Văn Vương diệt (khoảng 1136 trước Tây Lịch), con cháu bốn tâu lấy tên nước làm Họ. Con cháu họ Nguyễn này về sau lấy quận Trần Lưu thuộc phủ Khai Phong làm nguyên quán.

Qua nguồn gốc gia phả để lại, chúng tôi không thấy được sự phối hợp giữa họ Nguyễn ở Trung Hoa và họ Nguyễn ở nước Việt ta như thế nào; sử sách chỉ còn để lại những điểm mốc nói :

- vào thời kỳ Bắc thuộc ở đời Mục Đế nhà Đông Tấn (năm 353) có thứ sử đất Giao Châu là Nguyễn Phú,

- rồi vào niên hiệu Thăng Bình Đời Tấn (năm 357) có quan Biệt Giá đất Giao Châu trên là Nguyễn Lông.

Trong "An Nam Chí Lược" của Lê Tắc có chép vào niên hiệu Nguyên Gia thời Nam Bắc ở Trung Hoa, có Nguyễn Di Chi làm Thứ Sử đất Giao Châu đã từng cùng với vũ tướng Nguyễn Vũ Chi phá được đi chiến thuyền của vua Lâm Ấp là Phan Dương Mại đến quấy phá Giao Châu.

Theo gia phả họ Nguyễn ở Hoàng Hoá (Thanh Hoá) thì con cháu Nguyễn Phú ở lại đất Giao Châu truyền đến Nguyễn Bặc là Thái Tổ dưới triều nhà Đinh nước ta.

Thái Tổ Nguyễn Bặc có quê ở Đại Hữu (Gia Viễn, Ninh Bình). Hiện nay tại thôn Vân Hà, xã Gia



Ngôi mộ thiên táng Nguyễn Cam
(Hà Trung - Thanh Hóa)

Phượng còn ngôi mộ phát tích của dòng họ (trước đời Nguyễn Bặc).

Các nhánh họ Nguyễn không thể xác định rõ được nguồn gốc sâu xa của tổ tiên một cách chắc chắn nên về sau phần lớn đều chấp nhận lấy đức Thái Tổ Nguyễn Bặc (924 - 979) làm Thủy Tổ, làng Gia Miêu, Ngoại Trang, tổng Thượng Bàn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung thuộc tỉnh Thanh Hoá làm

nguyên quán. Vào năm 1803 vua Gia Long đổi Gia Miêu Ngoại Trang thành Quý Hương và Tổng Sơn thành Quý Huyện.

"Mọi chuyện ở đời, không ghi chép thì không thể truyền lại. Dấu tích xưa nay, không ghi chép thì không thể khảo xét được. Đó là sự thật Cho nên biên chép không thể không có. Việc gia đình và việc đất nước giống y như nhau. Thế nên, Phả của gia đình cũng như Sử của đất nước. Sử ghi chép việc đất nước. Phả chép việc của gia đình. Một quốc gia mà không có sử thì việc trị loạn hưng suy không thể truyền đời và không thể khảo xét được. Một gia đình mà không có Phả thì cội nguồn, các thế hệ không thể truyền được và không thể khảo xét được.

Hai việc ấy lớn nhỏ khác nhau, nhưng không thể thiếu được, nên phải coi là chuyện tất yếu"

(Trần Văn Dư - một lãnh tụ Cần Vương / Quảng Nam)

Ngày xưa các danh môn, vọng tộc, thế phiệt trâm anh đã ghi khắc vào khắc vào bia đá, vào bảng đồng gốc tích tổ tiên lưu lại cho thế hệ hậu nhật. Các làng họ ở thành thị cũng như thôn quê đều biên chép cội rễ ông bà vào Tộc phổ, Chi phổ hay Gia phổ để truyền lại cho con cháu. Mấy chục đời sau nhờ tài liệu trên mà kẻ hậu sinh biết rõ thân thế, sự nghiệp tiền nhân để "ôn cố tri tân".

Dòng họ Nguyễn Phước được chia ra Hệ, Phòng rồi truyền xuống sâu thêm nữa lại chia ra Chi, Phái để nhận diện bà con & sự liên hệ ruột thịt gần xa.

- Triều Nguyễn có Ngọc Phổ Nguyễn Phước Tộc hay Hoàng Triều Thế Phổ

- Vị Chúa hay vị Vua đứng đầu một Hệ gọi là Ngài Hệ Tổ

- mỗi hoàng tử con của các Chúa hay các Vua sẽ lập ra một Phòng,

- Nhóm con cháu của các hoàng tử cùng một Chúa hay một Vua kết hợp lại thành một Hệ

- Đứng đầu của một Phòng - gọi là Ngài Đệ Nhất Thế hay Đức Tiên Công.

- Mỗi Hệ có Tôn Phổ

- Các chi, các phái trong bản phòng có Chi Phổ riêng.

Wang Phổ

Gồm có 9 Hệ dòng Chúa nhà Nguyễn từ Nguyễn Cam đến Nguyễn Phúc Thuần Từ thủy tổ Nguyễn Bắc (924 - 979) đến Nguyễn Văn Lưu (trái qua là 15 đời).

Nguyễn Văn Lưu là thân phụ của Nguyễn Kim - theo phát âm của Khang Hy tự điển phải đọc là Cam. Từ trước đến nay quen đọc là Kim, nay xin sửa lại cho đúng.

○ Hệ Nhất :

con cháu của Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế Nguyễn Cam (1468 - 28. 06.1545) khai sáng ra Hệ Nhất,

có 2 con trai : Tả Tướng Quận Công Nguyễn Ưông (Ngài Hệ Tổ hệ Nhất phòng Lăng Quận công) và Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế Nguyễn Hoàng, một con gái là công chúa Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm)

○ Hệ Nhì :

Khai sáng ra hệ II là Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế Nguyễn Hoàng (28. 08.1525 - 20. 07. 1613) còn gọi là Chúa Tiên.

Năm Mậu Ngọ 1558 đời Vua Anh Tông, Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa dựa theo lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm : "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân" kể từ giai đoạn này các Chúa nhà Nguyễn đã lần lần bành trướng lãnh thổ nước nhà về cực Nam. Năm 1601 cho xây chùa Thiên Mụ.

Nguyễn Hoàng có 10 con trai và 2 con gái

1. Thái bảo Hoà Quận Công
2. Hoàng tử Hán
3. Hoàng tử Thanh
4. Hoàng tử Hải
5. Hy-Tôn Hiếu Văn Hoàng Đế Nguyễn Phúc Nguyên - hệ tổ hệ Ba
6. Hoàng tử Hiệp
7. Hoàng tử Trạch
8. Hoàng tử Dương
9. Nghĩa Hưng Quận Vương và 2 công chúa Ngọc Tiên và Ngọc Tú.

- Hoàng tử Hiệp và hoàng tử Trạch bị đuổi ra khỏi gia đình hoàng tộc vì bất đồng chính kiến, con cháu lấy họ Nguyễn Thuận.

- Các hoàng tử : Hắc, Vĩnh con hoàng tử Hán; Nghiêm, Long, Cường, Chất con hoàng tử Hải được đưa ra làm con tin cho vua Lê, lập ra ngoài bắc họ Nguyễn Hữu.

○ Hệ Ba

con cháu của Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế Nguyễn Phúc Nguyên - Chúa Sãi - (16.08.1563 - 19.11.1635) lập ra hệ Ba.

Nguyễn Phúc Nguyên là người đầu tiên trong lịch sử Việt-Nam và dòng họ Nguyễn mang họ Nguyễn Phúc (đọc phần ghi chú), có 11 con trai và 4 con gái :

1. Khánh Quận Công
2. Thân Tôn Hiếu Chiêu Hoàng Đế Nguyễn Phúc Lan - hệ tổ Hệ Bốn
3. Hoàng tử Anh
4. Hoàng tử Trung
5. Hoàng tử An
6. Hoàng tử Vinh
7. Hoàng tử Lộc
8. Hoàng tử Tu
9. Hoàng tử Thiệu
10. Vinh Quận Công
11. Hoàng tử Đôn.

Các công chúa Ngọc Liên, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa và Ngọc Đình. Công chúa Ngọc Liên lập gia đình với Nguyễn Phước Vĩnh, con của Mạc Cảnh Ưng lập ra họ Nguyễn Hữu.

Công chúa Ngọc Đình lấy Nguyễn Cửu Kiều lập ra họ Nguyễn Cửu.

○ Hệ Tư :

hệ Tư là con cháu của Thân Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế Nguyễn Phúc Lan gọi là Chúa Thượng (13.08.1601 - 09.03.1648)

có 3 trai và 1 công chúa :

1. Hoàng tử Võ
2. Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng Đế Nguyễn Phúc Tần - hệ tổ hệ Năm
3. Hoàng tử Quỳnh và một công chúa không rõ tên.

Ngoại trừ Nguyễn Phúc Tần lập ra Hệ 5, 2 người con trai khác của Chúa Thượng không có con nối dõi, hệ Tư bị xóa sổ.

○ Hệ Năm :

được lập thành do con cháu của Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế Nguyễn Phúc Tần còn gọi là Chúa Hiền (18. 07. 1620 -30. 04. 1687)

có 6 con trai và 3 con gái.

1. Phước Quận Công Nguyễn Phúc Diễn, Tiên Công hệ Năm phòng Nhất
2. Anh Tôn Hiếu Nghĩa Hoàng Đế Nguyễn Phúc Trăn, hệ tổ hệ Sáu.
3. Cương Quốc Công, Tiên Công hệ Năm phòng Ba.

4. Quốc Oai Công Nguyễn Phúc Hiệp, Tiên Công hệ Năm phòng Tư

5. Hoàng tử Nguyễn Phúc Niên, tảo vong

6. Hoàng tử Nguyễn Phúc Nhiêu, tảo vong.

Công chúa Ngọc Tào và 2 công chúa còn lại không rõ tên.

Trong giai đoạn lịch sử cận đại, con cháu đời thứ 6 chúa Nguyễn Phúc Tần có 2 Phụ Chánh Đại Thần lịch sử hiện đại vẫn còn nhắc nhở : cụ Tôn-Thất Thuyết (vua Tự Đức) và cụ Tôn-Thất Hân (vua Bảo Đại).

○ Hệ Sáu :

Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thái (22.01.1650 - 07.02.1691) còn gọi là Chúa Nghĩa, đời thứ Sáu của họ Nguyễn Phúc, lập ra Hệ 6 có 5 trai và 4 gái.

Ngoại trừ Nguyễn Phúc Chu lập ra Hệ 7, 4 người con trai khác của Chúa Nghĩa không có con nối dõi, hệ Sáu không tồn tại.

1. Hiến Tôn Hiếu Minh Hoàng Đế Nguyễn Phúc Chu hệ tổ hệ Bảy
2. Hoàng tử Tuấn
3. Hoàng tử Toàn
4. Hoàng tử Trinh
5. Hoàng tử Quảng

các công chúa Ngọc Nhiệm, Ngọc Niệu và những người còn lại không tìm được tên.

○ Hệ Bảy :

do con cháu Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế Nguyễn Phúc Chu (11. 06. 1675 - 01. 06. 1725) con gọi là Quốc Chúa họp thành hệ Bảy, các em của Quốc Chúa đều vô tự.

Chúa Nguyễn Phúc Chu có 38 con trai và 4 con gái. Trong thời gian trị vì, Quốc Chúa đóng góp rất nhiều công lao trong việc xây dựng kỷ cương Phật Giáo, trung tu chùa chiền và quảng bá Phật Giáo khắp nước. Năm Giáp Tuất (1694) sai người sang Quảng Đông mời Hoà Thượng Thích Đại Sán (tức là Thanh Liêm Hoà Thượng) sang thuyết pháp về đạo Phật cho quan lại và dân chúng nghe. Năm Canh Dần (1710) nhân ngày Phật Đản, Ngài cho đúc chuông chùa Thiên Mụ nặng 3.285 cân (2.021kg, cao 2,5 mét, đường kính 1,2 mét) rồi thân hành làm bài minh khắc vào chuông. Tiếng vang của Đại Hồng Chung bao trùm kinh thành Huế cho đến bây giờ, không những đánh tan miền trần tục mà còn lắng đọng trong lòng mọi người

Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương

Năm Giáp Ngọ (1714) giao cho Chưởng Cơ Tổng Đức Đạt sửa sang lại chùa Thiên Mục, huy động thợ khéo làm cảnh chùa xinh đẹp, nguy nga hơn trước và được tồn tại cho đến ngày nay.

○ **Hệ Tám :**

được tạo nên do con cháu của Túc Tôn Hiếu Ninh Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thụ (14.01.1697 - 07.06.1738).

Chúa Nguyễn Phúc Thụ sinh hạ 3 hoàng tử và 6 công chúa.

1. Thế Tôn Hiếu Võ Hoàng Đế Nguyễn Phúc Khoát, hệ tổ hệ Chín
2. Thiếu Bảo Nghiêm Quốc Công
3. Tường Quan Hầu

Và các công chúa Ngọc Thường, Ngọc San, Ngọc Duyên, Ngọc Biên, Ngọc Uyển và một người không để tên lại.

○ **Hệ Chín :**

con cháu Thế Tôn Hiếu Võ Hoàng Đế Nguyễn Phúc Khoát còn gọi là Võ Vương (26.09.1714 - 07.07.1765) lập ra hệ Chín.

Võ Vương có 18 hoàng tử và 12 công chúa.

Tướng cũng viết thêm là 2 người con trai của của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát kế nghiệp cha có thể mở rộng ra để lập các phòng thuộc hệ Chín nhưng:

Duệ Tôn Hiếu Định Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thuần còn gọi là Định Vương chỉ có một người con gái, thuộc đời thứ 10 vì không có con trai cho nên không khai sáng một hệ mới.

Hưng Tôn Hiếu Khương Hoàng Đế Nguyễn Phúc Luân ngoại trừ Thế Tổ Cao Hoàng Đế

Nguyễn Phúc Ánh tức là Vua Gia Long lập ra Chánh Hệ, những người con khác đều vô tự.

Hệ Chín chấm dứt họ Nguyễn Phúc dòng Chúa.

Các Hệ Bốn và Hệ Sáu không có con cháu nối nghiệp bị xóa hẳn trong Tôn Nhon Phủ.

Đế Phả

gồm có 13 đời từ Vua Gia Long Nguyễn Phúc Ánh đến Vua Bảo Đại Nguyễn Phúc Thiển.

Vua Gia Long (08.02.1762 - 03.02.1820) có 13 con trai và 18 con gái, hai hoàng tử thứ 2 và thứ 3 : Thuận An Công và hoàng tử Tuấn mất sớm, không có vợ con.

Vua Minh Mạng (25.05.1791 - 20.01.1841) là hoàng tử thứ 4 được lập làm thái tử năm Ất Hợi 1815. Ngay khi lên ngôi Hoàng Đế, bấy giờ đã 30

tuổi, vua Minh Mạng rất am hiểu việc triều chính, đã để tâm nhiều nhất là con cháu càng ngày càng đông, chú trọng nhiều đến dòng họ, cho lập Tôn nhân phủ để coi sóc người trong họ, lập Ngọc Phả để ghi tên những người thân thực. Ngoài ra để phân biệt thân sơ bằng cách chia thành - Tiên Hệ và Chính Hệ - Tiên Hệ hay gọi tắt Hệ dùng để chỉ con cháu của các Đế từ Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế Nguyễn Hoàng đến Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thuần, gồm 9 đời (tức con cháu thuộc 9 Chúa xưng Vương phương Nam).

Chính Hệ là con cháu của các vua từ Đức Thế Tổ Gia Long Nguyễn Phúc Ánh trở về sau.

Trong chính hệ phân làm hai:

- Đế Hệ chỉ con cháu của Thánh Tổ - Vua Minh Mạng

- Phiên Hệ (phiên là hàng rào) ý nói phen rào cho hoàng gia, để chỉ con cháu của anh em vua Minh Mạng. Vua cũng đã nghĩ đến :

* sự tranh giành ngôi vua ngay trong gia đình và trong nhóm hoàng tộc

* để con cháu có thể nhận diện nhau cũng như xác định chỗ đứng của từng người trong đại gia đình Nguyễn Phúc

* dựa vào nguyên tắc Chính Danh Định Phận của Khổng Mạnh vua Minh Mạng đã nghĩ ra một phép đặt tên đôi.

Bài thơ Ngự Chế Mạng Danh Thi gồm có tất cả 20 chữ chỉ định tên của các hoàng tử thế hệ kế tiếp :

Miên Nhon Kỳ Sơn Ngọc
Phụ Nhon Ngôn Tài Hòa
Bối Lực Tài Ngôn Tâm
Ngọc Thạch Hóa Hòa Tiểu.

Miên là tên của tất cả con trai của Vua Minh Mạng cộng thêm húy của gia đình.

Nhon là tên của tất cả con trai của Vua Thiệu Trị - cháu nội Vua Minh Mạng cộng với húy.

Tiếp tục như vậy thì Hoàng tử Bảo Long sẽ đến chữ Phụ.

Với phép ghép tên đôi như vậy chưa phân định được con cháu đích tôn vua Minh Mạng với các anh em chú bác trong đại gia đình con cái của Vua Gia Long. Để giải quyết vấn đề ngôi thứ trong gia đình và sự liên hệ gần xa trong dòng họ, Vua Minh Mạng biết rõ các anh em rất yêu thơ đã suy nghĩ rất nhiều trong hai ba năm đầu của triều đại đã sáng tác ra 11 bài thơ :

- một bài Đế Hệ Thi : con cháu Vua Minh Mạng

- mười bài *Phiên Hệ Thi* : *phiên* là hàng rào (nói nôm na như là cột xương sống "trụ" được chống đỡ bởi bộ xương sườn).

Mỗi bài thơ gồm có 20 chữ ý nghĩa rất tốt đẹp để đặt tên cho 20 đời nối tiếp nhau kể từ thế hệ Vua Minh Mạng.

Hoàng tử :

Đã nói tới thừa tự thì chỉ nói đến con trai mà thôi, cho nên kể từ đời Vua Minh Mạng các con, cháu trai con dòng đích tôn cũng như các hoàng tử con anh & em ruột nhà vua (con chú, con bác) người con trai nào cũng có tên đôi do sự kết hợp:

- chữ đầu là tên chung, *định Thế* (đời) của tất cả con cháu trai cùng một thế hệ

- chữ thứ hai trong tên kép là tên riêng cho mỗi người do gia đình tự đặt nhưng cũng phải chọn trong các chữ Hán ghi kèm theo *Đế Hệ* thi, rất phức tạp.

Đế Hệ Thi : con cháu dòng chính Vua Minh Mạng

Miên Hường Ứng Bửu Vĩnh
Bảo Quý Định Long Trường
Hiền Năng Kham Kế Thuật
Thế Thụy Quốc Gia Xương

帝系詩
綿洪膺寶永
保貴定隆長
賢能堪繼述
世瑞國嘉昌

10 bài thơ *Phiên Hệ*, tặng cho các anh em Vua Minh Mạng.

A.- cho hoàng tử *Tăng Duệ Hoàng Thái Tử* - con trai trưởng vua Gia Long:

Mỹ Duệ Ang Cường Tráng
Liên Huy Phát Bi Hương
Lệnh Nghi Hàm Tôn Thuận
Vi Vọng Biểu Khôn Quang

B.- cho hoàng tử *Kiến An Vương* - con thứ 5 vua Gia Long, em cùng mẹ với vua Minh

Mạng

Lương Kiến Ninh Hoà Thuật
Du Hành Suất Nghĩa Phương

Dưỡng Di Trương Thức Hào
Cao Túc Thế Vi Trường-

C.- cho hoàng tử *Định Viễn Quận Vương* (con thứ 6 vua Gia Long)

Tịnh Hoài Chiêm Viễn Ái
Cảnh Ngưỡng Mẫu Thanh Kha
Nghiêm Cách Do Trung Đạt
Liên Trung Tập Cát Đa

D.- cho hoàng tử *Diên Khánh Vương* (con thứ 7 vua Gia Long)

Diên Hi Phong Hanh Hợp
Trùng Phùng Tuấn Lãng Nghi
Hậu Lưu Thành Tú Diệu
Diễn Khánh Thích Phương Huy

E.- cho hoàng tử *Điện Bàn Công* (con thứ 8 vua Gia Long)

Tín Điện Tư Duy Chính
Thành Tồn Lợi Thoả Trinh
Túc Cung Thừa Hữu Nghị
Vinh Hiến Tập Khanh Danh

F.- cho hoàng tử *Thiếu Hoá Quận Vương* (con trai thứ 9 vua Gia Long)

Thiện Thiệu Kỳ Tuấn Lý
Văn Tri Tại Mẫn Du
Ngưng Lân Tài Chi Lạc
Địch Đạo Duẫn Phi Hư

G.- cho hoàng tử *Quảng Oai Công* (con trai thứ 10 vua Gia Long) sinh ngày 20.05.1809 con của bà Ngọc Bình. Bà Ngọc Bình, thứ phi của vua Gia Long, là vợ của vua Cảnh Thịnh, em của Ngọc Hân Công chúa vợ vua Quang Trung.

Phụng Phù Trưng Khải Quảng
Kim Ngọc Trác Tiêu Kỳ
Diễn Học Kỳ Gia Chí
Đôn Di Khắc Tự Trì

(vô tự)

H.- cho hoàng tử *Thường Tín Quận Vương* (con thứ 11 vua Gia Long) sinh ngày 20.10.1810, con bà Ngọc Bình -

Thường Cát Tuân Gia Huân
Lâm Tuý Trang Thanh Cung
Thận Tu Di Tiên Đức
Thụ Ích Mậu Tân Công

I.- cho hoàng tử *An Khánh Vương* (con trai thứ 12 vua Gia Long)

Khâm Tùng Xưng Y Phạm
Nhã Chánh Thủy Hồng Qui
Khải Đế Đàng Cẩn Dự

Quyên Ninh Cng Tập Hy

J.- cho hoàng tử Từ Sơn Công (con trai thứ 13 vua Gia Long)

Từ Thế Dương Quỳnh Cẩm
Phu Văn Ái Diệu Dương
Bách Chi Quân Phú Dục
Vạn Diệu Hiệu Khuông Tường

Công chúa, Hoàng nữ, và Tôn nữ :

Phía con gái thì tên tục có 2 chữ, họ thì tùy theo thế hệ kể từ Vua Minh Mạng đi xuống.

Từ thời Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế, vua Minh Mạng trở về sau định rõ con gái vua gọi là Hoàng nữ, khi được sắc phong thì trở thành Công chúa có tên hiệu riêng.

Tên của Hoàng nữ, Tôn nữ thường tên kép và được tùy tiện không theo quy luật nào cả.

Muốn rõ vị trí của các Tôn nữ phải biết tên của anh em trai, để tựa vào đấy suy ra Phòng.

Cũng như phái nam, người ta còn gọi thêm một số chữ xác định thứ tự của họ đối với vị hoàng tử mở ra Phòng. Trước hết ta phải xác định ý nghĩa của từng chữ đó :

- Công : nghĩa là "ông" chỉ vị hoàng tử mở ra Phòng.

- Tôn : nghĩa là cháu nội

- Tử : là con trai

- Nữ : là con gái

- Tăng tôn: là cháu gọi bằng cố

- Huyền tôn: là cháu gọi bằng sơ

Như vậy :

- Chúa hay vua lập ra Hệ

- Hoàng tử là con của vua & chúa, lập ra Phòng

- Công tử là con trai của Hoàng tử

- Công nữ là con gái của Hoàng tử.

- Công tôn (cháu trai) - Công tôn nữ (cháu gái) gọi Hoàng tử bằng ông nội

- Công tăng tôn (cháu trai) - Công tăng tôn nữ (cháu gái) gọi Hoàng tử bằng cố

- Công huyền tôn (cháu trai) - Công huyền tôn nữ (cháu gái) gọi Hoàng tử bằng sơ

- Công huyền tôn nữ về sau hơi dài nên bỏ chữ Công mà chỉ gọi Huyền tôn nữ

- Huyền tôn nữ người ta còn gọi tiếp sau là Lai tôn nữ (Lai có nghĩa đến nữa), con của Huyền tôn là Lai tôn.

- để đơn giản các đời kế tiếp chỉ gọi là Tôn nữ với ý nghĩa là cháu gái.

Theo phép đặt tên đôi như vừa được trình bày qua Đế Hệ Thi và 10 bài thơ Phiên Hệ trên thì :

- các hoàng tử vua Minh Mạng mang chữ đầu là Miên cộng thêm tên húy do gia đình đặt ra

- tất cả con trai của thế hệ Miên mang tên bắt đầu bằng chữ Hồng hay Hường cộng thêm vào tên húy của gia đình.

- tất cả con trai thế hệ Hồng bắt đầu bằng Ung cộng thêm tên húy của gia đình ... cứ như thế cho đến đời thứ 20 theo đúng bài thơ.

- đối với Phiên Hệ Thi cũng vận dụng y như vậy.

Cái đặc điểm của Đế Hệ Thi và Phiên Hệ Thi là chữ nào cũng tốt, cũng đẹp cả ; có thể nói là "mỗi bài mỗi vẻ, mười phân vẹn mười", lấy ví dụ bài Đế Hệ Thi dịch ra bằng một vần vắn 20 câu, mỗi chữ dịch thành một câu mới đủ rõ nghĩa như sau:

1. Miên : trường cửu phúc duyên trên hết
2. Hường : oai hùng đức kết thế gia
3. Ung : nên danh xây dựng sơn hà
4. Bửu : bồi báu lợi tha quân chúng
5. Vĩnh : bền chí hùng anh ca tụng
6. Bảo : ôm lòng khí dũng bình sanh
7. Quý : cao sang vinh hạnh công thành
8. Định : tiên quyết thi hành oanh liệt
9. Long : vương tướng rồng tiên nổi nghiệp
10. Trường : vĩnh cửu nổi nghiệp giống nòi
11. Hiền : tài đức phúc âm sáng chói
12. Năng : gương nơi khuôn phép bờ cõi
13. Kham : đảm đương mọi cơ cấu giới
14. Kế : hoạch sách mấy khối cân phân
15. Thuật : biên chép lời đúng ý dân
16. Thế : mãi thọ cận thân gia tộc
17. Thoại : ngọc quý tha hồ phước tề
18. Quốc : dân phục năm góc giang san
19. Gia : muôn nhà Nguyễn vẫn huy hoàng
20. Xương : phồn thịnh bình an thiên hạ

I. Chánh hệ Nhất : được hợp thành bởi các phòng các con vua Gia Long Thế Tổ Cao Hoàng Đế (1762 - 1819), Ngài có công thống nhất quốc gia lên ngôi 1802.



Vua Gia Long



Vua Minh Mạng

II. Chánh hệ Nhì : do con cháu vua Minh Mạng Thánh Tổ Nhơn Hoàng Đế (1791 - 1840) tên Huý là Đản gồm có 78 hoàng nam và 64 công chúa.

III. Chánh hệ Ba : do con cháu vua Thiệu Trị Hiến Tổ Chương Hoàng Đế (1807 - 1847) có huý là Miên Tông. Vua Thiệu Trị có cả thảy 29 hoàng nam và 35 công chúa.

IV. Chánh hệ Bốn : được thành lập bởi các con cháu của các con nuôi vua Tự Đức Dục Tông Anh Hoàng Đế (1829 - 1883), huý Hồng Nhậm. Vua Tự Đức không có con, chỉ có 3 người con nuôi.



Vua Tự Đức

Cung Tôn Huệ Hoàng Đế Dục Đức huý là Ung Ái sau đổi là Ung Chân, con của Thoại Thái Vương.

Cảnh Tôn Thuận Hoàng Đế Đông Khánh huý là Ung Đường và Giản Tôn Nghi Hoàng Đế

Kiến Phúc huý là Ung Đăng, cả hai là con của Kiên Thái Vương.

Hệ Bốn được thành lập do con cháu của vua Dục Đức (1852 -1884), vua Dục Đức có 11 hoàng nam và 8 công chúa.

V. Chánh hệ Năm : thành lập do con cháu vua Kiến Phước (1869 - 1884), hiện nay vô tự.

VI. Chánh hệ Sáu : do con cháu vua Đồng Khánh Cảnh Tôn Thuận Hoàng Đế (1864 -1888) hợp lại, vua Đồng Khánh có 6 hoàng nam và 6 công chúa. Chánh Hệ Sáu chỉ có độc nhất 1 phòng, đó là phòng An Hoà Quận Vương tính đến năm 1942 chỉ còn có 2 người.

Tính đến năm 1942, chánh hệ sáu là chánh hệ sau cùng của Triều Nguyễn. Chánh hệ Năm vô tự, hiện

hữu chỉ còn 5 chánh hệ với tổng số 2.522 cháu trai và 2.400 cháu gái.

Lịch sử nước Việt-Nam gắn liền với dòng họ Nguyễn, suốt trên mười thế kỷ họ Nguyễn đã trải qua nhiều bước thăng trầm, có những tiên tổ là công thần của các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê có sự nghiệp gắn liền với lịch sử đất nước cho đến giai đoạn mở mang xây dựng vương nghiệp ở phương Nam rồi thành lập triều đại nhà Nguyễn. Công cuộc xây dựng đất nước vẫn được tiếp tục phát triển trong triều đại nhà Nguyễn, công cuộc khẩn hoang được đề cao. Đời Đức Thánh Tổ, dân tộc ta làm chủ hầu hết miền bán đảo Đông Dương.



Vua Đồng Khánh

Họ Nguyễn Phước là một nhánh họ trong tộc họ Nguyễn đã có từ lâu đời. Kể từ Ngài Thủy tổ Nguyễn Bặc đời nhà Đinh (938) cho đến nay 2007, dòng họ Nguyễn Phước nói chung đã trải qua hơn 10 thế kỷ và truyền xuống trên 35 đời. Nếu kể từ Đức Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế Nguyễn Cam (1616) cũng đã được 400 năm truyền xuống trên 20 đời.

Lịch sử dòng họ Nguyễn Phước đã gắn liền với lịch sử và vận mệnh quốc gia, trải qua chín đời chúa và mười ba đời vua : khởi thủy từ cuối thế kỷ thứ 16 khi Đức Triệu Tổ Nguyễn Kim, thủy tổ nhà Nguyễn tại phương Nam khởi quân diệt Mạc, trung hưng nhà Lê, tạo công đức cho Đức Thái Tổ Nguyễn Hoàng và các vị Chúa kế tiếp, lập công nghiệp lớn, phát triển về miền Nam, mở rộng biên cương, xây dựng Vương triều và sau cùng thành lập nên Triều đại Nguyễn Phước ngay khi Hoàng Đế Gia Long thống nhất quốc gia và lên ngôi năm 1802.

Vì vậy việc chép phả không thể tách rời khỏi lịch sử nước nhà , dựa theo dòng thời gian mới có sự chuyển tiếp họ Nguyễn Văn đến Nguyễn Phước rồi sau đó xuất hiện Tôn -Thất - cậu Tôn, con cháu của các Chúa - để phân chia với dòng chính con cháu các vua thục Đế Hệ - các Mẹ

Tài liệu tham khảo:

- Constitution de la Famille Impériale d' Annam-Tôn-Thất Cỗn,Président du Conseil Tôn Nhơn

- Tài liệu của bốn phòng: Đệ Ngũ Hệ, Phòng Quốc Oai Công, đệ Tam chi, đệ Ngũ phái.

- Việt-Nam Sử Lược quyển II của Trần Trọng Kim

- Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả - nhà xuất bản Thuận Hoá Huế 1995 (Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc biên soạn)

- Tiền tậ Việt-Nam từ 968 đến 1975 do Phạm Thăng biên khảo. Trung tâm Văn Hoá Xã Hội Phật Giáo Việt-Nam tại CHLB Đức - Chùa Viên Giác xuất bản 31.12.1989.

- Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn của Phạm Khắc Hòe do nhà xuất bản Thuận Hoá, 110 Phan Đăng Lưu, Huế.

Phần đọc thêm

- cậu Tôn & các Mẹ -

Theo tài liệu khảo cứu của cụ Nguyễn Phước Ứng Trình đã được đăng tải trên báo Lành Mạnh thì nguồn gốc như sau : vào ngày Giáp Thìn tháng 7 năm Quý Hợi (1563) là ngày bà Nguyễn Hoàng khai hoa, nằm thấy một ông lão râu tóc bạc phơ cầm cho một tờ giấy hồng đào, khi mở ra thì trong ấy toàn chữ Phúc. Khi tỉnh dậy vừa sinh con trai thứ 6, bà Nguyễn Hoàng muốn đặt tên Phước để kỷ niệm chữ của thần cho, còn ông Nguyễn Hoàng lại muốn dùng chữ Phúc làm chữ "lót" cho tên họ để sau này con cháu đều được hưởng chung. Bèn đặt tên con là Nguyễn Phúc Nguyên, ấy là người đầu tiên mang tên họ là Nguyễn Phúc.

Dòng họ Nguyễn Phúc cha truyền con nối, đều lấy ông trưởng làm chính thống đã được lòng dân. Ngày 02 tháng 05 Nhâm Tuất (1802) vua Gia Long thống nhất sơn hà lại một cõi. Trước đó 1 năm (1801) Đông cung Nguyễn Phúc Cảnh đã mất cho nên khi vua Gia Long băng hà vào năm 1819 thì



Nguyễn Phúc Cảnh

đầu năm sau Nguyễn Phúc Đảm nối ngôi. Trước ngày "truyền quốc bửu", Vua đã nhận thấy có phe không ủng hộ mình, vì trước kia Lê Văn Duyệt có tỏ ý với Đức Cao Hoàng : ngày sau nên lập Nguyễn Phúc Đán con Nguyễn Phúc Cảnh lên ngôi, ấy là chính thống. Đã nghe vậy, lẽ tất nhiên là vua phải chuẩn bị hướng chi dưới tay vua sẵn có bao nhiêu người tâm phúc chắc chắn họ cũng đủ

những phương pháp tránh cái họa tương tranh trong hoàng gia như chúng ta đã thấy nhiều về lịch sử.

Trong châu bản năm đầu tiên của triều Minh Mạng, chúng ta tìm thấy một tập hồ sơ của công thần Đinh Phiên, Đông Các Đại Học sĩ được vua Minh Mạng cho thêm chữ lót Nguyễn thành ra Đinh Nguyễn Phiên, soạn dâng vua cả thấy 11 bài thơ quy định chữ lót mỗi thế hệ.

Để hệ cho dòng vua chính thức trị vì, có quyền kế vị ngôi vua để trị thiên hạ.

Phiên hệ dành cho những huynh đệ, xác định rõ không thuộc dòng anh em nhà vua, không lên ngôi thiên tử, xem như phen giậu (rào) bao vây che chở nhà vua. Nếu danh phận đã định như thế thì đế nghiệp sẽ an như bàn thạch.

Cũng theo bài khảo cứu của Cụ Nguyễn Phước Ứng Trình còn nói rõ thêm : tuy đã biểu đồng tình, song chưa dám tuyên bố còn muốn thăm dò ý kiến, thành thử vua còn giữ bí mật đề nghị của Đinh Nguyễn Phiên. Có một ngày vua bàn với các hoàng đệ rằng : "con cháu cả chín hệ, theo Đức Thái Tổ vào Nam thì được mang quốc tánh là Nguyễn Phúc, còn ai ở lại Thanh Hóa thì mang công tánh là Nguyễn Hữu. Đức Hoàng Khảo đã truy thượng huy hiệu Hoàng Đế lên cả chín đời trên, từ Triệu Tổ đến Thế Tôn, vậy người trong chín hệ trên cũng như người trong đệ nhất chính hệ - cả mười phiên hệ - đều được xưng là Tôn-Thất, nghĩa là đồng họ với nhà vua, khỏi phải xưng đến quốc tánh - Nguyễn Phúc- như trước nữa". Sở dĩ định như vậy là vì theo văn hoá tương truyền, thì tên và họ của cả triều vua đều thuộc về quốc húy cả.

Trong châu bản về Minh Mạng nguyên niên, ngày 24 tháng 03, có một ông tâu lên xưng là Nguyễn Phúc Bình; cũng năm ấy ngày 12 tháng 10, một ông khác tâu lên còn xưng là Nguyễn Phúc Mão. Qua năm thứ ba (1822) ngày 28 tháng 05 cũng ông Bình tâu lên, xong không xưng là Nguyễn Phúc Bình như năm kia mà lại xưng là Tôn-Thất Bình.

Cho đến nay, vì chưa tìm được gì về trước nữa cho nên chúng ta phải theo tài liệu trong châu bản : ngày 28 tháng 05 năm thứ ba (1822) người hoàng gia xưng là Tôn-Thất thay thế Nguyễn Phúc xuất hiện từ năm 1563.

Trong năm thứ ba các hoàng đệ đều đã phục tùng mạng lệnh nhà vua, tự xưng là Tôn-Thất.

Qua năm thứ tư, vua Minh Mạng mới ban bố phép đặt tên : « từ đệ nhất chính hệ, tức là mấy anh em ta trở về sau, con cháu càng ngày càng đông, tên dễ trùng nhau, Đức Hoàng Khảo đã muốn định phép

đặt tên, xong vì vạn cơ không rảnh, nay ta thừa thiên chi, đã chọn 11 bài thơ, con cháu ta cũng như con cháu các anh em ta, mỗi phòng đều có một bài thơ 20 chữ, mỗi đời một chữ, tức 20 đời.

Người trong phòng nào cũng sẽ có tên đôi, tên hai chữ : chữ trên để phân thế thứ, lấy trong bài thơ, là tên chung cho các Phòng; còn chữ dưới là tên riêng thì gia đình tự đặt theo ý muốn.

Vậy sơ sinh con cháu phòng nào thì sẽ lấy một chữ theo thế thứ trong câu thơ, thành thử chúng ta nhìn nơi tên dù biết người ấy thuộc về Phòng nào và thế thứ mấy. Ngày 7 & 8 và 9 tháng Tư này, ta đã cáo Miếu, nay ta theo bài thơ ĐẾ HỀ. ta tự đặt tên cho các hoàng tử đã có tên. Vậy từ nay tên Hoàng trưởng tử là Mãng Tông cho đến hoàng tử thứ 23 là Mãng Thật. Về sau mỗi khi sanh hoàng tử đầy tháng thì ta sẽ tiếp tục ban tên theo chữ Mãng. Các hoàng tử đã có tên mới thì không được hành dụng tên cũ nữa"

- Minh Mạng Chính Yếu -

tài liệu khảo cứu trên của cụ Ứng Trình, đã được đăng trong tạp chí Lành Mạnh và được Tiến Sĩ Thái Văn Kiêm "Thủ Từ Văn Hoá Việt-Nam - Le Gardien du Temple Sacré de la Culture Vietnamienne " cung cấp để bổ túc thêm bài viết.

Tiến sĩ Hương Giang Thái Văn Kiêm là Viện Sĩ Hàn Lâm Khoa Học Pháp Quốc Hải Ngoại được Tổng Thống Pháp Jacques Chirac ân thưởng Bắc Đẩu Bì Tinh (Chevalier de la Legion d' Honneur) Xin chân thành cảm tạ & chúc mừng Tiến Sĩ Thái Văn Kiêm.

Tôn Thất Hứa.



Bàn thờ Thủy Tổ Nguyễn Bặc - Ninh Bình